

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠCH THÀNH  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 23/02/2022  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hà

2. Bà Lưu Thị Dung

- *Thư ký phiên toà:* Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H; Sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H; Sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2021 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 09/01/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do trước khi kết hôn, hai bên chưa có nhiều thời gian tìm hiểu về nhau nên khi về chung sống một nhà thì vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh H đã sống ly thân đến nay được 08 năm, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Anh T, sinh ngày 05/11/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu luôn ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/12/2021, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 09/01/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do trước khi kết hôn, hai bên chưa có nhiều thời gian tìm hiểu về nhau nên khi về chung sống một nhà thì vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị H đã về nhà bố mẹ đẻ khi sắp sinh con từ cuối năm 2013 và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Anh T, sinh ngày 05/11/2013. Ly hôn, anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Tại bản tự khai bổ sung ngày 22/02/2022, anh H thay đổi ý kiến về việc nuôi con, anh đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H; Về con chung: Giao cháu Bùi Anh T, sinh ngày 05/11/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh H không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh H theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Chị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, chị H và anh H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh H.

[5]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 09/01/2013 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trước khi kết hôn, hai bên chưa tìm hiểu kỹ về nhau nên khi về chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị H đã về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2013 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này, cả chị H và anh H đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Nay cả chị H và anh H đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn H được ly hôn.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu luôn ở với mẹ và cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, anh H và chị H đều đề nghị giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị H và anh H, giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

[7]. Về tài sản: Chị H và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Anh T, sinh ngày 05/11/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Thạch Thành theo biên lai số AA/2021/0007509 ngày 13/12/2021. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh Nguyễn Văn H và chị Bùi Thị H. Anh H và chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cúc**